

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MÔ  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST

Ngày 26 tháng 4 năm 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Mươi

Ông Nguyễn Văn Cử

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:** Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST – HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị S, sinh năm 1987

HKTT: Thôn B, xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1982

HKTT: Thôn B, xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B . Hiện nay anh H đang thi hành án tại Đội 10, phân trại 2, trại giam Ninh Khánh, có địa chỉ tại xã Ninh Vân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

(có mặt chị S; anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị S trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn H vào năm 2006, hai bên xây dựng gia đình với nhau là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B vào ngày 24/10/2006. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là sau khi chị sinh cháu Lê Thị G, khi sinh phải mổ chi phí nhiều kinh tế vợ chồng không có, từ đó dẫn tới việc anh H thường xuyên rượu chè, sau mỗi lần đi uống rượu về anh H đánh đập chửi bới vợ con. Có những lần anh H đánh chị phải đi viện điều trị, sau những lần như vậy vợ chồng trở về đoàn tụ chỉ được thời gian ngắn anh H lại chứng nào tật ấy. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng anh H đánh chị, khi đánh anh H lột hết quần áo đem đốt. Do vậy vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Đến đầu năm 2020 anh vi phạm pháp luật với mức hình phạt 7 năm tù về tội “giết người” thời gian thi hành án mới hơn 1 năm, hơn nữa tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H

- Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012. Hiện này cả hai cháu đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2021 và tại phiên hòa giải anh Lê Văn H trình bày: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án về việc chị S đề nghị Tòa án giải quyết việc “ly hôn và nuôi con” anh có quan điểm do anh đang chấp hành án. Anh cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh và chị S đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Đầu năm 2020 anh vi phạm pháp luật với mức án 7 năm tù, do anh đang phải chấp hành án nên anh thấy vợ chồng vẫn có khả năng đoàn tụ được, nên anh không nhất trí với việc xin ly hôn của chị S.

Về con chung anh và chị S có hai con chung cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012. Hiện này cả hai cháu đang ở với chị S. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao cả hai cháu cho chị S nuôi con, về cấp dưỡng anh cũng nhất trí với quan điểm của chị S.

Về tài sản: Anh và chị S tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị S anh H có HKTT tại xã Yên Th, huyện Yên Mô. Chị anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào năm 2006. Vợ chồng chị S anh H không hạnh phúc, anh H là người thường xuyên uống rượu, nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Đến năm 2020 anh H vi phạm

pháp luật bị xét xử mức án 7 năm tù, nay chị S có đơn đề nghị giải quyết ly hôn. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với con chung chị S anh H có 2 con chung, do anh H đang thi hành án trong trại giam, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu nên đề nghị Tòa án giao cho chị Sáu là người trực tiếp nuôi các cháu.

Tại bản khai và trình bày của cháu Lê Thị G và cháu Lê Văn L đều có lời trình bày trước đây khi bố mẹ cháu chưa ly thân, bố thường xuyên uống rượu mỗi lần uống rượu về bố thường chửi bới đánh đập mẹ và các cháu. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn quan điểm của các cháu xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

***Việc tuân theo pháp luật*** : Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian; thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 203, 220 và điều 233 BLTTDS;

***Về quan điểm giải quyết vụ án***: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S ly hôn với anh Lê Văn H. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012 cho chị Trần Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên.

Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh H chị Sáu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2016/ 0002409 ngày 17/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự về việc xét xử vắng mặt, căn cứ vào ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị S thì cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Bái xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Mặc dù hiện nay bị đơn đang thi hành án tại Đội 10, phân trại 2, trại giam Ninh Khánh, có địa chỉ tại xã Ninh Vân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ này chỉ là nơi cải tạo thi hành theo bản án hình sự chứ không phải là nơi cư trú, làm việc. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S kết hôn với anh Lê Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào năm 2006. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống của hai bên không hợp, anh H là người thường xuyên uống rượu mỗi lần uống rượu về anh H hay đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Đến năm 2020 anh H vi phạm pháp luật và đang thi hành mức án 7 năm tù tại Đội 10, phân trại 2, trại giam Ninh Khánh, có địa chỉ tại xã Ninh Vân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Nay chị Trần Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Việc chị S và anh H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ lâu, hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2019 trước thời điểm anh H phạm tội, còn việc anh H tại buổi hòa giải cho rằng tình cảm vợ chồng giữa anh với chị S vẫn còn là không đúng như thực tế diễn biến của cuộc hôn nhân. Do đó việc chị S đề nghị xin được ly hôn với anh H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị của chị S. Xử cho chị Trần Thị S ly hôn với anh Lê Văn H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Sáu anh H có hai con chung là cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị S, xét nguyện vọng của cả hai cháu và hai bên đương sự về việc thỏa thuận nuôi dưỡng các cháu, hơn nữa thực tế anh H đang phải chấp hành hình phạt tù, việc giao con cho ai nuôi đều phải đảm bảo điều kiện tốt nhất để các cháu được chăm sóc, học tập và phát triển toàn diện cả trí và lực. Vì vậy, giao cho chị S là người trực tiếp trông nom chăm sóc hai con chung là cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012 cho đến khi các cháu thành niên. Anh H là người đang chấp hành án phạt tù với thời hạn 7 năm, thì việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con là khó, anh H không có kinh tế, chị S và anh H đều thỏa

thuận anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị S anh H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị S phải nộp án phí dân sự theo qui định.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S ly hôn với anh Lê Văn H. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị G sinh ngày 22/10/2007 và cháu Lê Văn L sinh ngày 16/02/2012 cho đến khi các cháu thành niên.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí ly hôn: Chị Trần Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai theo biên lai số: AA/2016/ 0002409 ngày 17/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô

Án xử công khai sơ thẩm báo để chị Sáu biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Hướng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Thành (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Phan Ngọc Hà**